TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 387/2017/QĐST- HNGĐ	*Pleiku, ngày 28 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20/9/2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2017/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1976; địa chỉ: Hẻm 14 đường C, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- **Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn**: Ông T, sinh năm 1975. Địa chỉ: đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông T, sinh năm 1973; địa chỉ: đường T, thôn 6, xã Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**** Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng gồm:***

- Về đất: Lô đất số 17A3; Địa chỉ thửa đất: Khu tái định cư đường B, thôn 1, xã Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là số 187 đường T, thôn 6, xã Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Diện tích 145,2m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 618737, được Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/11/2007 mang tên ông T, bà H, đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp lô số 18A3 có chiều dài 24,2m.

+ Phía Tây giáp lô số 16A3 có chiều dài 24,2m.

+ Phía Nam giáp đường quy hoạch có chiều dài 6m.

+ Phía Bắc giáp đường quy hoạch có chiều dài 6m.

- Về tài sản trên đất:

+ 01 căn nhà 02 tầng có kết cấu: khung bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch tô trát vữa xi măng, sàn mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ, nền gạch đá ceramit 40cm x 40cm có diện tích xây dựng 132m^2 và diện tích sử dụng 220m^2, trần thạch

cao , mái lợp tôn, hệ thống cửa chính cửa sổ làm bằng sắt và kính, hệ thống điện nước sử dụng được có tổng diện tích xây dựng 132 m^2, diện tích sử dụng 220m^2.

+ 01 nhà vệ sinh độc lập tường xây gạch có tô trát, sàn mái bê tông cốt thép ốp lát gạch men có diện tích 5,13m^2.

+ 01 giếng nước, đường kính 1m, sâu 14m.

+ 01 tường rào song sắt thoáng phía dưới và trụ xây gạch, diện tích: 16m^2.

+ 01 cổng sắt có diện tích 4,2m^2

+ 02 mái hiên khung sắt, mái lợp tôn, diện tích: 45,96m^2.

+ 01 sân bê tông đá 4 x 6, dày 10cm có láng vữa xi măng, mác 75 dày 3cm, diện tích: 13,2m^2.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất theo Hội đồng định giá là 1.206.213.000 đồng.

- Tài sản khác (giá theo hội đồng định giá kết luận):

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, Biển số 81B1-435.68, ông T đang quản lý và sử dụng, có giá 30.000.000 đồng.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, Biển số 81H6-5166 bà H đang quản lý và sử dụng, có giá 5.000.000 đồng.

+ 01 tivi hiệu toshiba 32 inch, có giá 2.000.000 đồng.

+ 01 bộ bàn ghế sopha, có giá 18.000.000 đồng.

+ 01 tủ dép bằng gỗ tạp, có giá 800.000 đồng.

+ 01 bộ lục bình gồm 04 cái gỗ hương, có giá 2.000.000 đồng.

+ 01 bếp ga hiệu rinnai, có giá 1.500.000 đồng.

+ 01 bàn ăn gỗ tạp, có giá 2.500.000 đồng.

+ 01 tủ đựng chén bát gỗ tạp, có giá 800.000 đồng.

+ 01 tủ lạnh, có giá 500.000 đồng.

+ 01 lò vi sóng hiệu Panasonic, có giá 800.000 đồng.

+ 01 tủ thờ gỗ nhóm I, có giá 5.000.000 đồng.

+ 02 giường gỗ, 01 giường 1m4, 01 giường 1m2, có giá 1.800.000 đồng.

+ 01 bàn học mặt đá Grnit, chăn sắt, có giá 300.000 đồng.

+ 01 giá sách gỗ tạp, có giá 300.000 đồng.

Tổng giá trị những tài sản khác là 71.300.000 đồng.

Những vật dụng trên đang được ông Phạm Đồng Tiến quản lý và sử dụng.

- Nợ chung: Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn 150.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh 39.100.000 đồng.

Tổng tài sản chung đất, tài sản trên đất 1.206.213.000 + Tài sản khác 71.300.000 đồng = 1.277.513.000 đồng – nợ chung (gốc + lãi) 189.100.000 đồng = 1.088.413.000 đồng, tài sản chung chia đôi mỗi người được nhận tài sản trị giá bằng tiền là = 544.206.500 đồng.

**** Hai bên thông nhất chia tài sản như sau:***

- Bà H được nhận những tài sản sau:

- Về đất: Lô đất số 17A3; Địa chỉ thửa đất: Khu tái định cư đường B, thôn 1, xã Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là số 187 đường T, thôn 6, xã Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Diện tích 145,2m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:

AK 618737, được Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, cấp ngày 16/11/2007 mang tên ông T, bà H, đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp lô số 18A3 có chiều dài 24,2m.

+ Phía Tây giáp lô số 16A3 có chiều dài 24,2m.

+ Phía Nam giáp đường quy hoạch có chiều dài 6m.

+ Phía Bắc giáp đường quy hoạch có chiều dài 6m.

- Về tài sản trên đất:

+ 01 căn nhà 02 tầng có kết cấu: khung bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch tô trát vữa xi măng, sàn mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ, nền gạch đá ceramit 40cm x 40cm có diện tích xây dựng 132m^2 và diện tích sử dụng 220m^2, trần thạch cao , mái lợp tôn, hệ thống cửa chính cửa sổ làm bằng sắt và kính, hệ thống điện nước sử dụng được có tổng diện tích xây dựng 132 m^2, diện tích sử dụng 220m^2.

+ 01 nhà vệ sinh độc lập tường xây gạch có tô trát, sàn mái bê tông cốt thép ốp lát gạch men có diện tích 5,13m^2.

+ 01 giếng nước, đường kính 1m, sâu 14m.

+ 01 tường rào song sắt thoáng phía dưới và trụ xây gạch, diện tích: 16m^2.

+ 01 cổng sắt có diện tích 4,2m^2

+ 02 mái hiên khung sắt, mái lợp tôn, diện tích: 45,96m^2.

+ 01 sân bê tông đá 4 x 6, dày 10cm có láng vữa xi măng mác 75 dày 3cm, diện tích: 13,2m^2. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất theo Hội đồng định giá là 1.206.213.000 đồng.

- Tài sản khác:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, Biển số 81H6-5166 bà H đang quản lý và sử dụng, có giá 5.000.000 đồng.

+ 01 tivi hiệu toshiba 32 inch, có giá 2.000.000 đồng.

+ 01 bộ bàn ghế sopha, có giá 18.000.000 đồng.

+ 01 tủ dép bằng gỗ tạp, có giá 800.000 đồng.

+ 01 bộ lục bình gồm 04 cái gỗ hương, có giá 2.000.000 đồng.

+ 01 bếp ga hiệu rinnai, có giá 1.500.000 đồng.

+ 01 bàn ăn gỗ tạp, có giá 2.500.000 đồng.

+ 01 tủ đựng chén bát gỗ tạp, có giá 800.000 đồng.

+ 01 tủ lạnh, có giá 500.000 đồng.

+ 01 lò vi sóng hiệu Panasonic, có giá 800.000 đồng.

+ 01 tủ thờ gỗ nhóm I, có giá 5.000.000 đồng.

+ 02 giường gỗ, 01 giường 1m4, 01 giường 1m2, có giá 1.800.000 đồng.

+ 01 bàn học mặt đá Grnit, chân sắt, có giá 300.000 đồng.

+ 01 giá sách gỗ tạp, có giá 300.000 đồng.

Những vật dụng trên đang được ông Phạm Đồng Tiến quản lý và sử dụng.

- Phải trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tiền gốc 150.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- Ông T được nhận tài sản sau:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, Biển số 81B1-435.68, ông T đang quản lý và sử dụng.

+ Bà H phải trả lại cho ông T số tiền 514.206.500 đồng (năm trăm mười bốn triệu hai trăm lẽ sáu ngàn năm trăm đồng).

+ Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá ông T phải chịu là 2.500.000 đồng. Bà H đã nộp số tiền này nên ông T phải trả lại cho bà H số tiền 2.500.000 đồng.

Vậy tổng số tiền bà H phải trả cho ông T là 511.706.500 đồng (năm trăm mười một triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn năm trăm đồng).

- Thời hạn trả tiền: Bà Hphải trả tiền cho ông T vào ngày 08/10/2017 là trả hết số tiền trên, ngay sau khi ông T nhận được đủ tiền thì có nghĩa vụ bàn giao đất, tài sản trên đất (nhà) và các tài sản khác theo thỏa thuận trên cho bà H.

Khi bà H thực hiện xong nghĩa vụ giao tiền cho ông T thì bà H được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà H và ông T mỗi người phải chịu 12.884.130 đồng (mười hai triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn một trăm ba mươi đồng).

Bà H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0003041, ngày 31/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vậy bà H còn phải nộp số tiền án phí là 8.134.130 đồng (tám triệu một trăm ba mươi tư ngàn một trăm ba mươi đồng).

3.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Gia lai;*
- *VKSND Tp.Pleiku;*
- *THADS Tp.Pleiku;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*